Mẫu đơn Tính toán Xoá nợ Khoản vay PPP

Tên Pháp lý của Doanh nghiệp ("Bên vay")	Tên hoạt động (DBA) hoặc Tên thương mại, nếu có	
Địa chỉ Doanh nghiệp	**Số nhận dạng Doanh nghiệp đóng thuế (TIN) (Số nhận dạng Người sử dụng lao động (EIN), Số an sinh Xã hội (SSN))**	**Số điện thoại Doanh nghiệp**
		( ) -
	Người liên hệ Chính	**Địa chỉ email**

Số Tham chiếu khoản vay PPP của SBA: _____ **Số Tham chiếu khoản vay PPP của Bên cho vay:** _____

Số tiền vay PPP: _____ **Ngày giải ngân của Khoản vay PPP:** _____

Số lượng Người lao động tại Thời điểm Nộp đơn Xin vay: _____ **Số lượng Người lao động tại Thời điểm Nộp đơn Xin xoá nợ Khoản vay:** _____

Số tiền Tạm ứng dành cho Khoản vay Khắc phục Tổn thất Kinh tế do Thảm họa (EIDL): _____

Số Đăng ký EIDL: _____

Lịch trả lương: Tần suất trả lương cho người lao động:

☐ **Hàng tuần** ☐ **Hai tuần một lần** (cách tuần một lần) ☐ **Hai lần một tháng** ☐ **Hàng tháng** ☐ **Khác** _____

Thời hạn Cho vay: _____ đến _____

Thời hạn Trả lương Thay thế, trong trường hợp áp dụng: _____ đến _____

Nếu Bên vay (cùng với các chi nhánh, trong trường hợp áp dụng) nhận được khoản vay PPP vượt quá 2 triệu đô la, hãy kiểm tra tại đây: ☐

Tính toán Số tiền Xoá nợ:

Chi phí Tiền lương và Phi tiền lương

Dòng 1. Chi phí Tiền lương (điền số tiền từ dòng 10 Phụ lục A của PPP): _____

Dòng 2. Các khoản Thanh toán lãi Thế chấp Doanh nghiệp: _____

Dòng 3. Các khoản Thanh toán Thuê hoạt động hoặc Thuê tài chính Doanh nghiệp: _____

Dòng 4. Các khoản Thanh toán Tiện ích Doanh nghiệp: _____

Điều chỉnh cho Toàn thời gian Tương đương (FTE) và Giảm lương/Giảm lương Theo giờ

Dòng 5. Tổng mức Giảm lương/Tiền công Theo giờ (điền số tiền ở dòng 3 Phụ lục A của PPP): _____

Dòng 6. Cộng các khoản tiền ở dòng 1, 2, 3 và 4, sau đó trừ đi số tiền đã điền dòng 5: _____

Dòng 7. Thương số Giảm FTE (điền số ở dòng 13 Phụ lục A của PPP): _____

Số tiền Xoá nợ Tiềm năng

Dòng 8. Tổng số đã sửa đổi (nhân dòng 6 với dòng 7): _____

Dòng 9. Số tiền vay PPP: _____

Dòng 10. Yêu cầu 60% số tiền nợ dành cho Chi phí Tiền lương (chia dòng 1 cho 0.60): _____

Số tiền Xoá nợ

Dòng 11. Số tiền Xoá nợ (điền số nhỏ nhất ở dòng 8, 9 và 10): _____

Lưu ý: Số và số thập phân phải tuân theo cách sử dụng tiêu chuẩn ở Hoa Kỳ

Bằng cách Ký tên Bên dưới, Quý vị sẽ Tuyên bố và Chứng nhận với Tư cách của Bên vay như sau:

Đại diện ủy quyền của Bên vay xác nhận cho toàn bộ phần bên dưới bằng cách **ký nháy** vào từng trang.

_____ Số tiền xoá nợ được yêu cầu:

- được sử dụng để thanh toán các chi phí đủ điều kiện xoá nợ (chi phí tiền lương để giữ chân người lao động; thanh toán lãi thế chấp doanh nghiệp; thanh toán tiền thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp hoặc thanh toán tiện ích doanh nghiệp);
- bao gồm tất cả các khoản giảm được áp dụng do giảm số lượng người lao động tương đương toàn thời gian và giảm lương/giảm lương theo giờ;
- bao gồm chi phí tiền lương bằng ít nhất 60% số tiền xóa nợ;
- nếu áp dụng Thời hạn Cho vay là 24 tuần thì, không vượt quá mức thù lao năm 2019 trong 2.5 tháng cho bất kỳ doanh nghiệp tư nhân hoặc cá nhân kinh doanh/thành viên hợp danh nào, giới hạn ở mức 20,833 đô la mỗi cá nhân; và
- nếu Bên vay chọn Thời hạn Cho vay là 8 tuần thì, không vượt quá mức thù lao năm 2019 trong 8 tuần cho bất kỳ doanh nghiệp tư nhân hoặc cá nhân kinh doanh/thành viên hợp danh nào, giới hạn ở mức 15,385 đô la mỗi cá nhân.

_____ Tôi hiểu rằng nếu các khoản tiền được sử dụng cố ý cho mục đích trái phép, chính quyền liên bang có thể thu hồi số tiền nợ và/hoặc truy cứu trách nhiệm dân sự hoặc hình sự.

_____ Bên vay đã xác minh chính xác các khoản thanh toán cho chi phí tiền lương và phi tiền lương đủ điều kiện mà đang được Bên vay yêu cầu xoá nợ.

_____ Tôi đã gửi cho Bên cho vay các tài liệu cần thiết để xác minh chi phí tiền lương, sự tồn tại của các nghĩa vụ và dịch vụ (trong trường hợp áp dụng) trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 và các khoản thanh toán lãi suất thế chấp doanh nghiệp đủ điều kiện, thanh toán thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp và thanh toán tiện ích doanh nghiệp.

_____ Thông tin được cung cấp trong đơn này và thông tin được cung cấp trong tất cả các tài liệu và mẫu đơn liên quan là đúng sự thật và chính xác trong mọi phương diện quan trọng. Tôi hiểu rằng nếu tôi cố tình khai man để được xóa nợ cho khoản vay do SBA bảo đảm, tôi sẽ bị trừng phạt theo quy định của pháp luật, bao gồm theo bộ luật 18 U.S.C. 1001 và 3571 là phạt tù không quá 5 năm và/hoặc phạt tiền lên tới 250,000 đô la; theo 15 U.S.C. 645 là phạt tù không quá 2 năm và/hoặc phạt tiền lên tới 5,000 đô la; và, nếu được trình lên một tổ chức được bảo hiểm Liên bang, theo 18 U.S.C. 1014 là phạt tù không quá 30 năm và/hoặc phạt tiền lên tới 1,000,000 đô la.

_____ Các tài liệu thuế tôi đã nộp cho Bên cho vay nhất quán với những tài liệu mà Bên vay đã nộp/sẽ nộp cho IRS và/hoặc cơ quan thuế hoặc cơ quan lực lượng lao động tiểu bang. Tôi cũng hiểu, thừa nhận và đồng ý rằng Bên cho vay có thể chia sẻ thông tin thuế với các đại diện được ủy quyền của SBA, bao gồm cả đại diện ủy quyền của Văn phòng Tổng thanh tra SBA, với mục đích đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu của PPP và tất cả các đánh giá của SBA.

_____ Tôi hiểu, thừa nhận và đồng ý rằng SBA có thể yêu cầu thông tin bổ sung cho các mục đích đánh giá tính đủ điều kiện của Bên vay đối với khoản vay PPP và xoá nợ và việc Bên vay không cung cấp thông tin được yêu cầu bởi SBA có thể dẫn đến quyết định Bên vay không đủ điều kiện cho khoản vay theo hình thức PPP hoặc Bên vay bị từ chối đơn xin xoá nợ.

_____ Nếu Bên vay đánh dấu vào ô quy định 1 về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE trong Phụ lục A của PPP thì Bên vay không thể hoạt động trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày kết thúc Thời hạn Cho vay ở mức độ hoạt động kinh doanh giống như trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 do tuân thủ các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, bởi Bộ trưởng Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh, hoặc Cơ quan An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, liên quan đến việc duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh, giãn cách xã hội hoặc bất kỳ yêu cầu nào khác về công việc hoặc an toàn của khách hàng liên quan đến COVID-19.

Khả năng đủ điều kiện xoá nợ khoản vay của Bên vay sẽ được đánh giá theo các quy định và hướng dẫn về PPP do SBA ban hành cho đến ngày nộp đơn này. SBA có thể chỉ đạo bên cho vay từ chối đơn xin xoá nợ khoản vay của bên vay nếu SBA xác định rằng Bên vay không đủ điều kiện cho khoản vay PPP.

_____ _____
Chữ ký của Đại diện theo ủy quyền của Bên vay Ngày

_____ _____
Tên In hoa Chức danh

Phụ lục A của PPP

Bảng tính Phụ lục A của PPP, Tổng số trong Bảng 1

Dòng 1. Điền khoản Thù lao Tiền mặt (Ô 1) từ Bảng 1 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP: _____

Dòng 2. Điền FTE Trung bình (Ô 2) từ Bảng 1 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP: _____

Dòng 3. Điền Mức Giảm Lương/Giảm Lương Theo Giờ (Ô 3) từ Bảng 1 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP: _____
Nếu mức lương trung bình hàng năm hoặc lương theo giờ cho mỗi người lao động được liệt kê trong Bảng 1 thuộc Bảng tính Phụ lục A của PPP, trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế ít nhất là 75% mức lương trung bình hàng năm của người lao động đó hoặc mức lương theo giờ từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020, kiểm tra tại đây ☐ và điền **0** lên dòng 3

Bảng tính Phụ lục A của PPP, Tổng số Bảng 2

Dòng 4. Điền Khoản Bồi thường tiền mặt (Ô 4) từ Bảng 2 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PP: _____

Dòng 5. Điền FTE Trung bình (Ô 5) từ Bảng 2 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PP: _____

Chi phí Trả lương Không trả bằng tiền mặt trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế

Dòng 6. Tổng số tiền mà Bên vay trả cho các khoản đóng góp của người sử dụng lao động cho bảo hiểm sức khỏe của người lao động: _____

Dòng 7. Tổng số tiền mà Bên vay trả cho các khoản đóng góp của người sử dụng lao động vào kế hoạch hưu trí của người lao động: _____

Dòng 8. Tổng số tiền mà Bên vay đóng thuế tiểu bang và thuế địa phương của người sử dụng lao động dựa trên khoản thù lao cho người lao động: _____

Tiền thù lao cho Chủ sở hữu

Dòng 9. Tổng số tiền phải trả cho doanh nghiệp tư nhân/cá nhân kinh doanh/thành viên hợp danh: _____
Số tiền này có thể không được bao gồm trong Bảng 1 hoặc 2 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP. Nếu có nhiều hơn một cá nhân, hãy đính kèm một bảng riêng liệt kê tên và thanh toán cho từng cá nhân.

Tổng Chi phí Tiền lương

Dòng 10. Chi phí Tiền lương (cộng các dòng 1, 4, 6, 7, 8 và 9): _____

Tính toán Mức giảm Tương đương Toàn thời gian (FTE)
Nếu quý vị thỏa mãn **bất kỳ** tiêu chí nào trong số ba tiêu chí sau đây, hãy đánh dấu vào ô thích hợp, bỏ qua dòng 11 và 12, và nhập **1.0** vào dòng 13; nếu không, hãy hoàn thành dòng 11, 12, và 13:

Không cắt giảm nhân viên và số giờ hưởng lương trung bình: Nếu quý vị chưa giảm số lượng người lao động hoặc số giờ trả lương trung bình của người lao động trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến khi kết thúc Thời hạn Cho vay, hãy kiểm tra tại đây ☐.

Quy định 1 về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE: Nếu quý vị không thể hoạt động trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày kết thúc Thời hạn Cho vay ở mức độ hoạt động kinh doanh giống như trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 do tuân thủ các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, bởi Bộ trưởng Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh, hoặc Cơ quan An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, liên quan đến việc duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh, giãn cách xã hội hoặc bất kỳ yêu cầu nào khác về công việc hoặc an toàn của khách hàng liên quan đến COVID-19 ☐.

Quy định 2 về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE: Nếu quý vị thỏa mãn Quy định 2 về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE (xem Bảng tính trong Phụ lục A của PPP), hãy kiểm tra tại đây ☐.

Dòng 11. FTE trung bình trong thời gian tham chiếu được lựa chọn của Bên vay: _____

Dòng 12. Tổng FTE trung bình (cộng dòng 2 và 5): _____

Dòng 13. Thương số Giảm FTE (chia dòng 12 cho dòng 11) hoặc điền 1.0 nếu đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào trên đây: _____

Bảng tính Phụ lục A của PPP

Bảng 1: Liệt kê những người lao động:

- Được Bên vay thuê vào bất kỳ thời điểm nào trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế có nơi cư trú chính là ở Hoa Kỳ; và
- Đã nhận tiền thù lao từ Bên vay với tỷ lệ hàng năm dưới hoặc bằng 100,000 đô la cho tất cả các kỳ thanh toán trong năm 2019 hoặc không được Bên vay thuê tại bất kỳ thời điểm nào trong năm 2019.

Tên người lao động	Mã định danh Người lao động	Thù lao bằng Tiền mặt	FTE Trung bình	Mức giảm Lương/Tiền Công Theo Giờ
Các Ngoại lệ của Mức giảm FTE:				
Tổng số:		**Ô 1**	**Ô 2**	**Ô 3**

Bảng 2: Liệt kê những người lao động:

- Được Bên vay thuê vào bất kỳ thời điểm nào trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế có nơi cư trú chính là ở Hoa Kỳ; và
- Nhận được thù lao từ Bên vay với tỷ lệ hàng năm hơn 100,000 đô la cho bất kỳ kỳ thanh toán nào trong năm 2019.

Tên người lao động	Mã định danh Người lao động	Thù lao bằng Tiền mặt	FTE Trung bình
Tổng số:		**Ô 4**	**Ô 5**

Đính kèm các bảng bổ sung nếu cần thêm hàng.

Quy định 2 về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE:

Bước 1. Điền tổng FTE trung bình của Bên vay trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020. Thực hiện theo cùng một phương pháp đã được sử dụng để tính FTE trung bình trong Bảng tính Phụ lục A của PPP. Cộng tổng số người lao động và điền: _____.

Bước 2. Điền tổng số FTE của Bên vay trong kỳ thanh toán của Bên vay tính cả ngày 15 tháng 2 năm 2020. Thực hiện theo cùng một phương pháp đã được sử dụng ở bước 1: _____.

Bước 3. Nếu số được điền ở bước 2 lớn hơn bước 1, hãy chuyển sang bước 4. Nếu không thì quy định 2 về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE không được áp dụng và Bên vay phải hoàn thành dòng 13 trong Phụ lục A của PPP bằng cách chia dòng 12 cho dòng 11 của Phụ lục đó.

Bước 4. Nhập tổng FTE của Bên vay tính đến đầu ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày nộp đơn này: _____.

Bước 5. Nếu số được điền ở bước 4 lớn hơn hoặc bằng bước 2, hãy điền 1.0 lên dòng 13 trong Phụ lục A của PPP; quy định 2 về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE đã được đáp ứng. Nếu không thì quy định 2 về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE không được áp dụng và Bên vay phải hoàn thành dòng 13 trong Phụ lục A của PPP bằng cách chia dòng 12 cho dòng 11 của Phụ lục đó.

Mẫu đơn Thông tin Nhân khẩu học của Bên vay PPP (Không bắt buộc)

Hướng dẫn

1. **Mục đích**. Dữ liệu về cựu chiến binh/giới tính/chủng tộc/sắc tộc chỉ được thu thập cho mục đích báo cáo chương trình.
2. **Mô tả**. Mẫu đơn này yêu cầu thông tin về từng Người ủy nhiệm của Bên vay. Thêm tờ bổ sung nếu cần thiết.
3. **Định nghĩa về Người ủy nhiệm**. Thuật ngữ "Người ủy nhiệm" có nghĩa là:
   - Đối với một cá nhân kinh doanh, một nhà thầu độc lập hoặc một doanh nghiệp tư nhân thì đó chính là cá nhân kinh doanh, nhà thầu độc lập hoặc doanh nghiệp tư nhân đó.
   - Đối với một công ty hợp danh thì đó là tất cả các thành viên hợp danh và tất cả các thành viên góp vốn sở hữu 20% vốn cổ phần của Bên vay hoặc bất kỳ đối tác nào có liên quan đến việc quản lý doanh nghiệp của Bên vay.
   - Đối với một công ty thì đó là tất cả những người sở hữu từ 20% trở lên của Bên vay, và mỗi nhân viên và giám đốc.
   - Đối với một công ty trách nhiệm hữu hạn thì đó là tất cả những người sở hữu từ 20% trở lên của Bên vay, và mỗi nhân viên và giám đốc.
   - Bất kỳ cá nhân nào được Bên vay thuê để quản lý các hoạt động hàng ngày của Bên vay ("người lao động chủ chốt").
   - Bất kỳ người ủy thác nào (nếu Bên vay được sở hữu bởi một ủy thác).
   - Đối với một tổ chức phi lợi nhuận thì đó là các nhân viên và giám đốc của Bên vay.
4. **Tên Người ủy nhiệm.** Điền tên đầy đủ của Người ủy nhiệm.
5. **Vị trí**. Xác định vị trí của Người ủy nhiệm; ví dụ, cá nhân kinh doanh; một nhà thầu độc lập; một doanh nghiệp tư nhân; doanh nghiệp tư nhân; thành viên hợp danh; chủ sở hữu; nhân viên; giám đốc; thành viên; hoặc người lao động chủ chốt.

Tên Người ủy nhiệm		Vị trí
Cựu chiến binh	1=Không phải là cựu chiến binh; 2=Cựu chiến binh; 3=Cựu chiến binh Khuyết tật; 4=Vợ/chồng của cựu chiến binh; X=Không Tiết lộ	
Giới tính	M=Nam; F=Nữ; X=Không Tiết lộ	
Chủng tộc (có thể chọn nhiều hơn 1)	1=Người Anh-điêng hoặc người Alaska bản địa; 2=Người Châu Á; 3=Người da màu hoặc người Mỹ gốc Phi; 4=Người Hawaii bản địa hoặc người đảo Thái Bình Dương; 5=Người Da Trắng; X=Không tiết lộ	
Sắc tộc	H=Tây Ban Nha hoặc La-tinh; N=Không phải Tây Ban Nha hoặc La-tinh; X=Không tiết lộ	

Việc tiết lộ là tự nguyện và sẽ không ảnh hưởng đến quyết định xoá nợ cho khoản vay

Đạo luật Giảm Công Việc Giấy Tờ – Quý vị không cần phải trả lời phiếu thu thập thông tin này trừ khi nó hiển thị Số Kiểm soát OMB hiện tại hợp lệ. Thời gian ước tính để hoàn thành đơn này, bao gồm cả thu thập dữ liệu cần thiết, là 180 phút. Mọi ý kiến về thời gian này hoặc thông tin được yêu cầu phải được gửi đến Small Business Administration, Director, Records Management Division (Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp Nhỏ, Giám đốc, Phòng quản lý Hồ sơ), 409 3rd St., SW, Washington DC 20416, và/hoặc SBA Desk Officer, Office of Management and Budget, New Executive Office Building (Nhân viên Quản lý của SBA, Văn phòng Quản lý và Ngân sách, Tòa nhà Văn phòng Điều hành mới), Washington DC 20503. **VUI LÒNG KHÔNG GỬI CÁC MẪU ĐƠN ĐẾN NHỮNG ĐỊA CHỈ NÀY.**